

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số 811/QĐ – ĐHM, ngày 21/09/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Tp. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: Tài Chính – Ngân Hàng
Trình độ đào tạo: Cao Đẳng
Ngành đào tạo: Tài Chính – Ngân Hàng
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung



1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành tài chính -ngân hàng có phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức và sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành. Trên cơ sở đó có định hướng nghề nghiệp phù hợp và đáp ứng nhu cầu nhân sự trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi ngày càng cao.
- Đồng thời giúp sinh viên phát triển những kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tự phát triển, nghiên cứu độc lập cũng như khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức kinh tế - tài chính công ty hiện đại, về tiền tệ - ngân hàng, hiểu biết về các hoạt động tài chính trong một công ty, của một ngân hàng thương mại, thông qua việc nắm vững các kiến thức về : phân tích-hoạch định và dự toán tài chính, thực hiện quản trị hệ thống ngân sách của công ty, phân tích và đánh giá hiệu quả và rủi ro của một dự án đầu tư, Xây dựng cơ cấu vốn tối ưu, tín dụng, kế toán ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán . . .

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng như: công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư, công ty tài chính, . . . Hoặc làm việc tại các bộ phận tài chính- kế toán trong các công ty sản xuất kinh doanh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành khoá học sinh viên sẽ được trang bị:

a. Kiến thức chuyên môn về:

- Các công cụ phân tích định lượng.
- Các nguyên lý quản trị và kinh tế học cơ bản.
- Các nguyên lý về Tài chính doanh nghiệp, ngân hàng.
- Phương pháp đánh giá tỷ giá ngoại hối, thẩm định dự án đầu tư, hồ sơ vay vốn, rủi ro cho vay, qui trình cho vay và quản lý tín dụng.

b. Các kỹ năng về phương pháp học tập, nghiên cứu

- Rèn luyện cho sinh viên tư duy biết phê phán và khả năng làm việc độc lập.
- Khả năng thu thập và phân tích thông tin để đưa ra quyết định.
- Khả năng nghiên cứu thông qua các đề tài thực tế từ doanh nghiệp.
- Khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành liên quan đến tài chính ngân hàng.

c. Các kỹ năng chuyên môn

- Kỹ năng thực hiện giao dịch chứng khoán trên thị trường, phân tích và định giá các loại chứng khoán
- Kỹ năng phân tích, hoạch định và kiểm soát tình hình tài chính doanh nghiệp
- Kỹ năng sử dụng các thông tin tài chính để đưa ra các quyết định tài chính
- Kỹ năng thẩm định : tín dụng, bất động sản, tài sản đảm bảo
- Kỹ năng lập và thực hiện các qui trình vay và cho vay tại NHTM

d. Có thái độ và phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có tinh thần yêu nước, yêu nghề nghiệp.

1.3 Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuyên ngành : Tài chính – Ngân Hàng. Khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có thể đảm nhận các công việc như :

- Chuyên viên tín dụng ngân hàng.
- Chuyên viên kế toán và giao dịch
- Chuyên viên phân tích và tư vấn đầu tư.
- Chuyên viên quản trị tài sản ngắn hạn, định giá tài sản

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo dự kiến là 3 năm gồm 6 học kỳ, trong đó 5 học kỳ học trên lớp và 1 học kỳ còn lại là thực tập nghề nghiệp và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần để tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Dự kiến khối lượng kiến thức toàn khóa cho ngành và các chuyên ngành đều là **96** tín chỉ, không bao gồm giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng (7 tín chỉ)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Những học sinh đã có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy Chế học vụ theo học chế tín chỉ của trường ĐH Mở TP.HCM (Ban hành kèm theo quyết định số 759/QĐ-ĐHM ngày 09/09/2009 của Hiệu Trưởng Trường ĐH Mở TP.HCM)

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Theo quy định về chế độ đào tạo của học chế tín chỉ, sinh viên sau khi hoàn thành chuyên đề thực tập trong học kỳ 6, có thể được giao làm khóa luận tốt nghiệp (nếu đủ điều kiện) hoặc học bổ sung một số môn học chuyên môn để tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu theo quy định : **96** tín chỉ

6. THANG ĐIỂM

Theo thang điểm 10

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

TT	Môn học	Số Tín chỉ	Ghi chú
7.1 KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		37	
7.1.1 Lý luận Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh		10	
1	Những nguyên lý cơ bản của CN-MLN	5	CTK
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CTK
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	CTK
7.1.2. Khoa học xã hội		7	
1	Pháp luật đại cương	2	
2	Kỹ năng học tập	2	
3	Quản trị học	3	
7.1.3. Ngoại ngữ		8	
1	Tiếng Anh nâng cao 1	4	CTK
2	Tiếng Anh nâng cao 2	4	CTK
7.1.4. Toán – Tin học		12	
1	Toán cao cấp C1	3	CTK
2	Toán cao cấp C2	3	CTK
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	CTK
4	Tin học đại cương	3	CTK
7.1.5. Giáo dục thể chất			CTK
1	Giáo dục thể chất (3 TC)		CTK
7.1.6. Giáo dục quốc phòng			
1	Giáo dục quốc phòng (7TC)		CTK
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		59	
7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành		13	
1	Kinh tế vi mô 1	3	CTK
2	Tài chính - Tiền tệ	4	CTK
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	CTK
4	Nguyên lý kế toán	3	CTK
7.2.2 Kiến Thức Ngành và chuyên sâu		27	
Các môn học bắt buộc		18	
1	Thị trường chứng khoán	3	
2	Tài chính doanh nghiệp 1	4	CTK
3	Tài chính doanh nghiệp 2	4	

4	Thanh toán quốc tế	3	
5	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4	CTK
Các môn học tự chọn		9	
1	Thẩm định tín dụng	3	
2	Maketing ngân hàng	3	
3	Kế toán ngân hàng	3	
4	Kinh doanh ngoại hối	3	
5	Hệ thống thông tin ngân hàng	3	
6	Tài chính cá nhân	3	
7	Phân tích báo cáo tài chính	3	
8	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	
9	Mô hình tài chính	3	
10	Mô phỏng giao dịch chứng khoán	3	
7.2.3 Kiến Thức Bổ Trợ		13	
1	Kế toán doanh nghiệp	4	
2	Thuế	3	
3	Tiếng Anh chuyên ngành 1,2	6	
7.2.4 Thực tập TN và khóa luận TN		6	
1	Thực tập tốt nghiệp	3	CTK
2	Bảo vệ khóa luận TN hoặc học bổ sung	3	CTK
Chọn 1 trong số các môn học tự chọn tại mục 7.2.2			
TỔNG SỐ TÍN CHỈ		96	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

HK	TT	Môn học	Số tín chỉ
I	1	Tiếng Anh nâng cao 1	4
	2	Toán cao cấp 1	3
	3	Pháp luật đại cương	2
	4	Kỹ năng học tập	2
	5	Kinh tế vi mô 1	3
	6	Quản trị học	3
	7	Giáo dục thể chất 2 (3TC)	
		Cộng :	17
II	1	Những nguyên lý cơ bản của CN-MLN	5
	2	Tiếng Anh nâng cao 2	4
	3	Tin học đại cương	3

	4	Toán cao cấp 2	3
	5	Tài chính - Tiền tệ	4
	6	Nguyên lý kế toán	3
	7	Giáo dục quốc phòng (7TC)	
		Cộng :	22
III	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
	3	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3
	4	Thuế	3
	6	Thị trường chứng khoán	3
	7	Kế toán doanh nghiệp	4
			Cộng :
IV	1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3
	2	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	3	Tài chính doanh nghiệp 1	4
	4	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4
	5	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3
		Cộng :	17
V	1	Thanh toán quốc tế	3
	2	Tài chính doanh nghiệp 2	4
	3	Môn chọn 1	3
	4	Môn chọn 2	3
	5	Môn chọn 3	3
	6	Môn chọn tích lũy (học phần tốt nghiệp)	3
		Cộng :	19
VI	1	Thực tập tốt nghiệp	3
	2	Bảo vệ KLTN hoặc học bổ sung	3
		Tổng số tín chỉ	96

9. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của CN-MLN (5TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, HCM.

Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cùng với môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

Đường lối cách mạng của ĐCS VN (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN-MLN, Tư tưởng Hồ Chí Minh

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Pháp luật đại cương (2 TC)

Môn học trước: không

Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết chung về khái niệm cơ bản của khoa học pháp lý về Nhà nước và Pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như hiến pháp, hành chính, dân sự, hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Nội dung chính của môn học trình bày những khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật, phân tích cấu trúc bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên xác định tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, xác định hệ thống các ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học còn trình bày những nội dung cơ bản về Luật hành chính, Luật hình sự và Luật dân sự với tư cách là ba ngành luật chủ yếu của hệ thống pháp luật, để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

Kỹ năng học tập (2 TC)

Môn học trước: không

Môn học trang bị những kỹ năng cần thiết như lập kế hoạch học tập, lắng nghe, đọc, ghi chép, trình bày... giúp cho sinh viên thích nghi với môi trường sống và học tập ở bậc đại học, biết áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả để đạt được mục tiêu học tập.

Quản trị học (3 TC).

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị: hoạch định tổ chức, giám đốc/ điều hành và kiểm tra. Môn học còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp.

Tiếng Anh nâng cao 1: (4 tín chỉ)

Môn học trước: Tiếng Anh căn bản 2

Môn học này cung cấp các kiến thức tiếng Anh nhằm giúp sinh viên phát triển cả bốn kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết ở trình độ sơ trung cấp, cũng như nâng cao khả năng phát âm và bổ sung một lượng từ vựng thông dụng xoay quanh các chủ đề quen thuộc của cuộc sống. Mục đích của môn học là phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh đồng thời với kỹ năng tư duy nhằm giúp sinh viên có khả năng suy nghĩ độc lập.

Tiếng Anh nâng cao 2: (4 tín chỉ)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 1

Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết để giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Các chủ điểm ngôn ngữ mà họ có thể sử dụng được như: những thay đổi trong cuộc sống hiện tại so với quá khứ và tương lai, công việc phù hợp khả năng bản thân, các quốc gia, kỳ quan trên thế giới, một bộ phim hay một quyển sách hay. Đối với kỹ năng viết, người học có thể viết được một đoạn văn từ 70 đến 100 từ.

Toán cao cấp C1, C2 (6 TC)

Môn học trước : Không

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu các môn toán kinh tế, các môn kinh tế và rèn luyện phương pháp tư duy toán học để vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Môn học này bao gồm các nội dung: Hàm số, giới hạn và sự liên tục của hàm số. Đạo hàm và vi phân của 2 hàm biến số; Tích phân bất định và tích phân xác định; Chuỗi số và hàm số; Vector và không gian vectơ; Định thức, ma trận; Hệ phương trình tuyến tính.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 TC)

Môn học trước: Toán cao cấp C2

Môn học được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính qui luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.

Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giải thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

Tin học đại cương (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Tin học, giới thiệu sơ lược về máy tính, hệ điều hành, Internet, hướng dẫn sử dụng cơ bản một số phần mềm ứng dụng trong văn phòng

(soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính...) để có thể soạn thảo các công văn, văn bản, hợp đồng, tài liệu... bằng tiếng Việt, dùng bảng tính để thực hiện các tính toán cơ bản, vẽ đồ thị

Giáo dục thể chất 2 (3 TC)

(Thực hiện theo Quyết định số: 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 09 năm 1995 và Quyết định số: 1312/GD-ĐT ngày 12 tháng 04 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo và các qui định của nhà trường)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải đảm bảo sức khoẻ theo kết quả khám sức khoẻ đầu khoá để có thể tham dự khoá học.

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật và phương pháp tập luyện các môn thể thao theo nội dung chương trình, phát triển một cách toàn diện các tố chất thể lực, bảo vệ và tăng cường sức khỏe phòng chống bệnh tật, nâng cao khả năng học tập và lao động phục vụ xã hội.,góp phần hình thành nên những phẩm chất ý chí như lòng dũng cảm, tính tự tin, kiên trì vượt khó, ý thức tổ chức kỷ luật.

Giáo dục quốc phòng (7 TC)

(Thực hiện theo Quyết định số:81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT, ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1252/GD-ĐT ngày 12/04/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kinh tế vi mô 1 (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản. Môn học đề cập đến cung cầu thị

trường, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, cấu trúc thị trường và tác động của các chính sách can thiệp thị trường của chính phủ.

Tài chính-Tiền tệ (4 TC)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: chức năng tài chính – tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính Nhà nước; ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; Hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.

Nguyên lý thống kê kinh tế (3 TC)

Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Môn học nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.

Nguyên lý kế toán (3 TC)

Môn học trước: Kinh tế vi mô

Môn học Nguyên lý kế toán nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; trình tự kế toán và các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

Thị trường chứng khoán (3 TC)

Môn học trước: Tài chính - tiền tệ

Môn học này đề cập đến cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán. Như : Tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; Nguồn cung ứng chứng khoán; Niêm yết và phát hành chứng khoán; Các loại chứng khoán; Phương thức giao dịch trên thị trường

chứng khoán; Sở giao dịch chứng khoán; Những qui định pháp lý cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Tài chính doanh nghiệp 1,2 (8 TC)

Môn học trước: Thị trường chứng khoán, nguyên lý Kế toán

Môn học Tài chính doanh nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính của doanh nghiệp với các nội dung chủ yếu: Phân tích tài chính, sử dụng các đòn cân trong hoạt động và tài trợ, xác định nhu cầu vốn, tổ chức nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp, Xây dựng ngân sách đầu tư vốn, rủi ro và lợi nhuận, Định giá chứng khoán và chi phí sử dụng vốn

Thanh toán quốc tế (3 TC)

Môn học trước: Tài chính tiền tệ

Tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế : cơ sở pháp lý trong thanh toán quốc tế, nghiệp vụ hối đoái; Những điều kiện thanh toán quy định trong hợp đồng mua bán ngoại thương; Các phương tiện thanh toán quốc tế; Các phương thức thanh toán quốc tế. Bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế.

Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (4 TC)

Môn học trước: Tài chính tiền tệ

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ ngân hàng : huy động vốn, các loại tiền gửi, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (sec, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, thẻ ngân hàng,...), dịch vụ ngân quỹ, cho vay ngắn hạn , cho vay trung và dài hạn, cho vay tiêu dùng, cho vay hộ nông nghiệp, cho thuê tài chính, tài trợ xuất nhập khẩu, tài trợ dự án, và một số nghiệp vụ khác của ngân hàng thương mại.

Thẩm định tín dụng (3 TC)

Môn học trước : Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại, Tài chính doanh nghiệp 1

Môn học cung cấp các kiến thức về : thẩm định tín dụng ngắn hạn trung và dài hạn, thẩm định tín dụng cá nhân, thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay, thẩm định và đánh giá rủi ro tín dụng, kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định cho vay khi đứng trước một yêu cầu vay vốn, những công cụ cơ bản để kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng khi quyết định cho vay, góp phần nâng cao hiệu quả tín dụng nói chung.

Marketing ngân hàng (3 TC)

Môn học trước : Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại, Marketing căn bản

Môn học này trình bày các kiến thức cơ bản về lĩnh vực marketing chuyên ngành. Cung cấp các kiến thức về các dịch vụ ngân hàng, hệ thống sản phẩm và thanh toán của một NHTM. Sử dụng các kiến thức marketing để tiến hành đưa sản phẩm dịch vụ đến từng khách hàng, giúp khách hàng lựa chọn, quyết định sử dụng các sản phẩm do NH cung cấp.

Kế toán ngân hàng (3 TC)

Môn học trước : Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại, kế toán doanh nghiệp

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các ngân hàng thương mại của Việt Nam và của các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung. Nội dung môn học không những cung cấp kiến thức về kế toán trong lĩnh vực ngân hàng mà còn giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của các ngân hàng. Trên cơ sở các nghiệp vụ kế toán, các đối tượng có liên quan như nhà quản trị, cơ quan thuế, cổ đông... kiểm soát toàn bộ vốn và tài sản ngân hàng cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự phân chia lợi nhuận trong NH.

Kinh doanh ngoại hối (3 TC)

Môn học trước : Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại,

Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, mua bán ngoại hối phục vụ các hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu, Cân đối chênh lệch trong thanh toán quốc tế. Trên cơ sở đó thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối : nghiệp vụ ngoại hối giao ngay, nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá, nghiệp vụ giao dịch hối đoái có kỳ hạn, nghiệp vụ SWAP, nghiệp vụ quyền lựa chọn mua bán ngoại tệ

Hệ thống thông tin ngân hàng (3 TC)

Môn học trước : kế toán ngân hàng

Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin ngân hàng : Core Banking, hệ thống phần mềm sử dụng trong ngân hàng, các ứng dụng trên giao diện giao dịch của các kế toán giao dịch. Tập hợp và phân tích các dữ liệu khách hàng, các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng thương mại.

Tài chính cá nhân (3 TC)

Môn học trước : Tài chính doanh nghiệp 1 và nguyên lý kế toán

Môn học này cung cấp các kiến thức hoạch định tài chính cho cá nhân bao gồm các lĩnh vực như : quỹ hưu trí, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, bảo hiểm nghề nghiệp; Đầu tư tiền bạc sao cho sinh lời cao nhất với rủi ro có thể chấp nhận như : cổ phiếu, trái phiếu, gửi ngân hàng, bất động sản. Lập kế hoạch mua nhà, đất và lịch trình trả nợ phù hợp với thu nhập và nghề nghiệp

Phân tích các báo cáo tài chính (3 TC)

Môn học trước : Tài chính doanh nghiệp 1, kế toán doanh nghiệp

Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để có thể lập và phân tích các báo cáo tài chính như : bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ngoài ra môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc phân tích các hoạt động đầu tư; phân tích các hoạt động tài trợ và chính sách phân phối; phân tích khả năng sinh lợi; phân tích tín dụng; phân tích và định giá vốn cổ phần.

Thiết lập và Thiết lập và TĐ dự án đầu tư (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính doanh nghiệp 2

Môn học cung cấp những kiến thức có liên quan đến các nguyên tắc lý thuyết cũng như những ứng dụng thực tiễn của thẩm định dự án, nghiên cứu tính khả thi của dự án, nhận dạng những phí tổn và phúc lợi của dự án, những kỹ thuật trong phân tích và lựa chọn dự án, ứng dụng máy vi tính trong phân tích dự án. Khi kết thúc khóa học, sinh viên sẽ có được kiến thức và các kỹ năng cần thiết để thực hiện thẩm định về tài chính, rủi ro, kinh tế và xã hội đối với các dự án phát triển.

Mô hình tài chính (3 TC)

Môn học trước : Tài chính doanh nghiệp 2, phân tích và đầu tư chứng khoán

Môn học này đề cập đến các mô hình xử lý thông tin để đưa ra quyết định tài chính; Những ứng dụng của bài toán tối ưu tuyến tính và phi tuyến cho các mô hình chuyển nhượng tài sản, mô hình kiểm soát hàng tồn kho, mô hình quản lý tiền mặt linh hoạt, mô hình kế hoạch tài chính, mô hình thay thế thiết bị lựa chọn danh mục đầu tư; Các mô hình xác suất cho các vấn đề có liên quan đến các quyết định đầu tư trong điều kiện có rủi ro, phân tích độ nhạy,

sơ đồ cây quyết định, các quyết định hệ quả: nên hay không nên thử nghiệm một phương án sản xuất kinh doanh; Mô phỏng Monte Carlo; Các mô hình dự báo nhân quả và chuỗi thời gian; Tính toán chi phí sử dụng vốn; Mô hình báo cáo tài chính; Sử dụng các mô hình báo cáo tài chính cho việc định giá; Phân tích thuê mua tài chính; Các mô hình danh mục đầu tư và tính toán các danh mục đầu tư hiệu quả trong trường hợp khả năng bán khống là không có giới hạn; Ước lượng Betas và đường thị trường chứng khoán – SML; Đánh giá rủi ro – VAR (Value at Risk); Các mô hình định giá trái phiếu; Các mô hình định giá quyền chọn; Các mô hình bảo hiểm danh mục đầu tư và quyền chọn thực.

Mô phỏng giao dịch chứng khoán (3 TC)

Môn học trước: Thị trường chứng khoán

Môn học này cung cấp các kỹ năng giao dịch chứng khoán trực tuyến cho sinh viên thông qua việc sử dụng phần mềm giao dịch chứng khoán chuyên dụng như : Cách đọc nội dung của bảng điện giao dịch trực tuyến; cách đặt lệnh, thời gian đặt lệnh hiệu quả; các loại lệnh giao dịch chứng khoán được sử dụng hiện hành. Sinh viên có thể thực hành trên phần mềm để có thể làm các nhà môi giới chính thức, đại diện trên sàn giao dịch, . . .

Kế toán doanh nghiệp (4 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp. về nội dung phương pháp, quy trình kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu nhằm cung cấp các thông tin tài chính cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

Thuế (3 TC)

Môn học trước: Tài chính - tiền tệ

Môn học đề cập đến việc huy động nguồn lực Nhà nước thông qua thuế bao gồm thuế thu nhập, thuế tài sản, thuế tiêu dùng cũng như các khoản thu phí. Môn học chú trọng đến việc sử dụng các lý thuyết về thuế và ứng dụng để xác định, đánh giá tác động của chính sách thuế. Môn học cũng đề cập đến vấn đề tránh thuế, trốn thuế, giá chuyển nhượng, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, cải cách hệ thống thuế và các cam kết quốc tế mà thuế Việt Nam đã ký kết trong xu thế hội nhập.

Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 2

Tiếng Anh chuyên Kế toán - Tài chính ngân hàng 1: là môn học đầu tiên trong khuôn khổ chương trình tiếng Anh chuyên ngành Kế Toán - Tài Chính - Ngân Hàng. Môn học giúp cho sinh viên nâng cao và tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chương trình Tiếng Anh tổng quát, đồng thời trang bị các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Kế toán - Tài chính - Ngân hàng. Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể:

- Đọc hiểu các thuật ngữ trong lĩnh vực Kế Toán - Tài Chính - Ngân Hàng.
- Giao tiếp mô phỏng các tình huống thật, thực hiện được các bài thuyết trình ngắn.
- Viết được các đoạn văn ngắn theo các chủ điểm liên quan trong các lĩnh vực này.

Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh chuyên ngành 1

Đây là học phần tiếp nối của môn Tiếng Anh chuyên ngành kế toán tài chính ngân hàng 1, có mục đích tiếp tục rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên ở trình độ cao hơn, với độ khó hơn (độ dài tài liệu, các thuật ngữ chuyên sâu...) so với môn học trước. Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể:

- Đọc hiểu các thuật ngữ, các văn bản trong lĩnh vực Kế Toán - Tài Chính - Ngân Hàng.
- Có thể hiểu và diễn đạt tốt trong các tình huống mô phỏng thực tế, thực hiện được các bài thuyết trình.
- Viết được các đoạn văn theo các chủ điểm liên quan trong các lĩnh vực này.

Thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ)

Thời gian thực tập tại doanh nghiệp là 12 tuần. Trong thời gian này sinh viên sẽ chọn một chủ đề liên quan đến ngành học để viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp với sự hướng dẫn của giảng viên.

Khóa luận tốt nghiệp (3 tín chỉ)

Sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp trong 4 tuần dựa trên nền tảng chuyên đề tốt nghiệp đã thực hiện.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu của trường

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học sẽ giảng dạy
01	Lê Bảo Lâm	1957	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
02	Nguyễn Thuận	1963	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
03	Nguyễn Văn Phúc	1973	Tiến sĩ, Kinh tế học	Thị trường TC phái sinh Lý thuyết đầu tư Quản lý danh mục đầu tư
04	Nguyễn Văn Thuận	1962	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Quản trị rủi ro tài chính Quản lý danh mục đầu tư Tài chính doanh nghiệp
05	Nguyễn Xuân Xuyên	1947	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Thị trường chứng khoán Thị trường TC phái sinh
06	Lê Xuân Quang	1959	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Thuế Kế toán thuế Lập báo cáo thuế
07	Nguyễn Tấn Bình	1958	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Kế toán quản trị Kế toán kho bạc Phân tích hoạt động KD
08	Hoàng Mạnh Dũng	1956	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Marketing căn bản
09	Nguyễn Minh Kiều	1963	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị ngân hàng TM Ngân Hàng trung ương
10	Nguyễn Minh Hà	1972	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Thẩm định dự án đầu tư Kinh tế lượng
11	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	1960	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
12	Vũ Việt Hằng	1956	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế lượng Kinh tế vĩ mô 1
13	Trịnh Thùy Anh	1974	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học
14	Nguyễn Hữu Thân	1948	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học
15	Nguyễn Văn Sơn	1956	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Marketing căn bản
16	Lê Thái Thường Quân	1967	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
17	Trần Anh Tuấn	1945	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Luật kinh tế
18	Lê Thị Thanh Thu	1964	Tiến sĩ, Anh Văn	Anh văn cơ bản Anh văn chuyên ngành
19	Lê Xuân Trường	1965	Tiến sĩ, Công nghệ thông tin	Tin học đại cương

20	Nguyễn Thanh	1951	Tiến sĩ, Triết học	Những NLCB của CN-MLN Đường lối CM Đảng CS VN
21	Vũ Nhi Công	1957	Tiến sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
22	Nguyễn Thanh Long	1961	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
23	Lý Thị Minh Châu	1961	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
24	Nguyễn Như Ánh	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Kế toán tài chính Kế toán Mỹ
25	Võ Minh Long	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Phân tích báo cáo tài chính Kế toán quản trị
26	Phan Ngọc Thùy Như	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Nghiệp vụ ngân hàng Kinh doanh ngoại hối
27	Phan Thị Minh Huệ	1981	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế
28	Phạm Thị Phương Thảo	1982	Cử nhân, Kế toán	Hệ thống thông tin kế toán
29	Trần Tuyết Thanh	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp Kế toán đơn vị sự nghiệp
30	Trần Thế Sao	1979	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Excel trong TC và đầu tư Kế toán đơn vị xây lắp
31	Nguyễn Thị Phương Thanh	1987	Cử nhân, Tài chính Ngân Hàng	Marketing ngân hàng
32	Nguyễn Xuân Nguyên	1987	Cử nhân, Tài chính Ngân Hàng	Kế toán ngân hàng
33	Bùi Minh Phương	1985	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Tài chính cá nhân Bảo hiểm
34	Đào Ngọc Minh	1981	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Phân tích và đầu tư CK Quản trị rủi ro và bảo hiểm
35	Nguyễn Văn Bản	1960	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Kiểm soát nội bộ Chuẩn mực kế toán
36	Trần Tuấn Anh	1967	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thống kê kinh tế LT xác suất và thống kê toán
37	Tạ Thị Hồng Hạnh	1974	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập Kinh tế lượng
38	Nguyễn Đình Kim	1959	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Marketing căn bản
39	Nguyễn Thành Long	1958	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Marketing căn bản
40	Nguyễn Thái Thảo Vy	1977	Thạc sĩ, Kinh tế	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
41	Lê Thị Kim Dung	1962	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
42	Bùi Anh Sơn	1962	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
43	Phạm Quang Anh Thu	1975	Thạc sĩ, Kinh tế	Phân tích và đầu tư CK Phân tích báo cáo tài chính

44	Trần Anh Thục Đoan	1969	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Pháp luật đại cương Luật kinh tế
45	Bùi Ngọc Tuyền	1968	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Pháp luật đại cương Luật kinh tế
46	Nguyễn Thúy Nga	1968	Thạc sĩ, Anh Văn	Anh văn cơ bản Anh văn chuyên ngành
47	Ninh Xuân Hương	1966	Thạc sĩ, công nghệ thông tin	Tin học đại cương
48	Nguyễn Xuân Nghĩa	1951	Thạc sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
49	Lê Thị Mỹ Hiền	1958	Thạc sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
50	Lê Chí An	1954	Thạc sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
51	Âu Thị Cẩm Linh	1969	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
52	Hồ Thiện Thông Minh	1975	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
53	Vũ Thanh Hiếu	1975	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
54	Hoàng Đình Thảo Vy	1975	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
55	Nguyễn Quang Vinh	1959	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
56	Trương Mỹ Diễm	1977	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
57	Tạ Thị Lan Anh	1972	Thạc sĩ, Kinh tế	Thuế Tài chính tiền tệ
58	Phạm Kim Dung	1959	Thạc sĩ,	Những NLCB của CN-MLN Tư tưởng Hồ chí Minh Đường lối CM Đảng CS VN
59	Trịnh Trung Dũng	1966	Cử nhân	Giáo dục thể chất
60	Trình Quốc Trung	1965	Cử nhân	Giáo dục thể chất
61	Trần Huy Hoàng	1968	Cử nhân	Giáo dục thể chất

10.1. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học sẽ giảng dạy
01	Phan Đức Dũng	1967	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kế toán Mỹ Kiểm toán
02	Nguyễn Ngọc Dung	1968	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính Kế toán thuế
03	Nguyễn Khắc Hùng	1961	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính

04	Nguyễn Xuân Hưng	1966	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính Kế toán đơn vị xây lắp
05	Đỗ Thị Tuyết Lan	1956	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính Kế toán đơn vị sự nghiệp
06	Mai Thị Hoàng Minh	1965	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kiểm toán Chuẩn mực kế toán
07	Nguyễn Trung Trực	1960	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kiểm toán Chuẩn mực kế toán
08	Hà Xuân Thạch	1964	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kế toán đơn vị xây lắp Phân tích báo cáo tài chính
09	Lê Đình Trực	1962	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kế toán quản trị Phân tích hoạt động KD
10	Trương Thị Hồng	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Kế toán ngân hàng Quản trị ngân hàng TM
11	Lý Hoàng Ánh	1962	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán Nghị vụ ngân hàng TM
12	Lê Thắm Dương	1960	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thẩm định tín dụng Quản trị ngân hàng TM Ngân hàng trung ương
13	Nguyễn Hoàng Giang	1958	Tiến sĩ, Kinh tế học	Tài chính tiền tệ Marketing ngân hàng
14	Đỗ Thị Thu Hằng	1958	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế Kinh doanh ngoại hối
15	Trần Thị Xuân Hương	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thanh toán quốc tế Nghị vụ Ngân hàng TM Kinh doanh ngoại hối
16	Đoàn Thanh Hà	1968	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường chứng khoán Phân tích đầu tư CK
17	Lê Đình Hạc	1966	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tiền tệ ngân hàng Thị trường chứng khoán Ngân hàng trung ương
18	Lê Văn Khâm	1961	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp Tài chính tiền tệ
19	Lê Thị Lanh	1960	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp Quản trị rủi ro tài chính
20	Lê Thị Mận	1953	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Ngân hàng trung ương Marketing ngân hàng

21	Lê Phan Diệu Thảo	1963	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế Marketing ngân hàng
22	Nguyễn Hồng Thắng	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp Tài chính cá nhân
23	Thân Thị thu Thủy	1962	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường TC phái sinh Quản lý danh mục đầu tư
24	Lê Văn Tề	1938	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị ngân hàng TM Ngân hàng trung ương Kinh doanh ngoại hối
25	Nguyễn Thị Uyên Uyên	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp Quản trị rủi ro tài chính
26	Nguyễn Ngọc Hùng	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán Kế toán kho bạc
27	Phan Hiên Minh	1950	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thuế Lập báo cáo thuế Tài chính tiền tệ
28	Phước Minh Hiệp	1960	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thiết lập và TĐ dự án đầu tư Tài chính doanh nghiệp
29	Lê Vũ Nam	1969	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường TC phái sinh Quản lý danh mục đầu tư Quản trị rủi ro tài chính
30	Nguyễn Hữu Ngọc	1955	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Thiết lập và TĐ dự án đầu tư
31	Nguyễn Quốc Anh	1975	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Nghiệp vụ ngân hàng TM Thẩm Định tín dụng
32	Trần thị Huế Chi	1976	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp Phân tích báo cáo tài chính
33	Lê Văn Hải	1962	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
34	Phạm Đặng Huấn	1960	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
35	Nguyễn Phước Kinh Kha	1981	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế
36	Nguyễn Thị Hồng Liên	1965	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp Phân tích báo cáo tài chính
37	Phạm quốc Luyến	1971	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Phân tích hoạt động KD Phân tích tài chính
38	Nguyễn Văn Minh	1974	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Nghiệp vụ ngân hàng TM Kế toán ngân hàng
39	Nguyễn Văn Nông	1971	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường chứng khoán Phân tích và đầu tư CK
40	Nguyễn Thanh Nam	1976	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tiền tệ ngân hàng Ngân hàng trung ương

41	Trần Phương Thảo	1978	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Phân tích và đầu tư CK Quản trị rủi ro tài chính
42	Nguyễn Văn Thầy	1960	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Kế toán ngân hàng Quản trị ngân hàng
43	Phan Chung Thủy	1981	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Thanh toán quốc tế Kinh doanh ngoại hối
44	Bùi Huy Tùng	1976	Thạc sĩ, Luật	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
45	Tô Thị Thanh Trúc	1976	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản lý danh mục đầu tư Tài chính cá nhân
46	Tôn Thất Cảnh Hòa	1962	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Thuế Lập báo cáo thuế
47	Lâm Tường Thoại	1962	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
48	Nguyễn Thế Hưng	1962	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Hệ thống thông tin kế toán
49	Thái Phúc Huy	1958	Thạc sĩ, Điều khiển học	Hệ thống thông tin kế toán
50	Nguyễn Thành Kính	1982	Cử nhân, Kế toán kiểm toán	Hệ thống thông tin kế toán
51	Lê Thanh Trông	1984	Cử nhân, tài chính ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán
52	La Xuân Đào	1959	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Các chuẩn mực kế toán
53	Nguyễn Ngọc Đức	1982	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán Mỹ Kế toán kho bạc
54	Lê Thị Minh Châu	1965	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kế toán đơn vị xây lắp
55	Nguyễn Văn Hội	1973	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kiểm soát nội bộ
56	Nguyễn Việt Hưng	1976	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kiểm soát nội bộ
57	Đoàn Văn Hoạt	1961	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Chuẩn mực kế toán
58	Nguyễn Bảo Linh	1964	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán quản trị Phân tích hoạt động KD
59	Nguyễn Thị Thùy Linh	1981	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kiểm soát nội bộ
60	Phạm Quốc Thuận	1974	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kế toán thuế
61	Phạm Ngọc Toàn	1969	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kiểm soát nội bộ
62	Lê Thị Minh Tuyết	1963	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán quản trị Phân tích hoạt động KD
63	Dương Thị Xuân Bình	1957	Thạc sĩ, Quản trị chi phí	LT xác suất và TK toán Kinh tế lượng
64	Định Thái Hoàng	1963	Tiến sĩ, kinh tế	LT xác suất và TK toán

65	Võ Thị Lan	1965	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Kinh tế lượng
66	Chu Nguyễn Mộng Ngọc	1978	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
67	Trần Kim Ngọc	1969	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
68	Trần Bá Nhân	1953	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
69	Hoàng Trọng	1964	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
70	Lê Quang Trung	1951	Tiến sĩ, điều khiển học	LT xác suất và TK toán Kinh tế lượng
71	Nguyễn Quang trung	1977	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế lượng Nguyên lý thống kê kinh tế
72	Nguyễn Minh Tuấn	1965	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	LT xác suất và TK toán Kinh tế lượng
73	Nguyễn Ngọc Vân Uyên	1975	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
74	Nguyễn Văn Ân	1940	Giảng viên cao cấp, toán	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2
75	Nguyễn Văn Du	1956	Thạc sĩ, Đại số	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2
76	Trần Ngọc Hội	1961	Tiến sĩ, toán	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2
77	Nguyễn Quốc Hưng	1957	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1 Phòng học và phòng máy tính

- Toà nhà trung tâm tại 97 Võ Văn Tần, Quận 3, TPHCM, với diện tích sử dụng 10.500m²
- Số 2 Mai Thị Lựu, Quận 1, TPHCM
- Số 120 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TPHCM
- 511 An Dương Vương, phường An Lạc, Quận Bình Tân
- 11 Đoàn Văn Bơ, quận 4
- Ngoài ra, có 1 phân hiệu ở Sông Bé (tỉnh Bình Dương)
- Diện tích đất 32 ha sẽ được xây dựng trong tương lai

11.2 Thư viện

Thư Viện Trường rộng rãi thoáng mát đủ chỗ cho 200 sinh viên cùng học một lúc và có phòng đọc tham khảo cho giảng viên và cán bộ nghiên cứu. Thư viện được trang bị hệ thống máy tính để tra cứu, đọc tài liệu trong các đĩa CD, hệ thống máy tính nối mạng để

sinh viên truy cập Internet miễn phí. Trường đang xây dựng thư viện điện tử giúp sinh viên truy cập thông tin, tư liệu từ các nơi,...

11.3 Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Lịch sử Đảng	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
3	Triết học Mác-Lênin	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
5	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
6	Tiếng Anh căn bản	Khoa Ngoại ngữ, ĐHMở	Lưu hành nội bộ	2006
7	Toán cao cấp- giải tích	Phạm Hồng Danh	ĐHQG HCM	2007
8	LT xác suất và thống kê toán	Đại Học kinh tế HCM	Thống kê	2006
9	Xã hội học đại cương	ĐH Mở TP.HCM	Lưu hành nội bộ	2007
10	Logic học	ĐH Mở TP.HCM	Lưu hành nội bộ	2007
11	Kỹ năng học tập	Tạ Thị Hồng Hạnh	Lưu hành nội bộ	2007
12	Tin học đại cương	ĐH Mở TP.HCM	Lưu hành nội bộ	2007
13	Pháp luật đại cương	ĐH kinh tế HCM	GT vân tải	2006
14	Quản trị học	Lê Thế Giới	Tài Chính	2007
15	Nguyên lý Marketing	Nguyễn Đình Thọ	ĐHQG HCM	2005
16	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm	Lao Động XH	2008
17	Kinh tế vĩ mô	Dương Tấn Diệp	Thống kê	2007
18	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	Dương Thị Bình Minh	Thống kê	2004
19	Nguyên lý Thống kê	Nguyễn Thị Kim Thúy	Văn hóa Sài Gòn	2008
20	Thống kê ứng dụng	Trần Bá Nhân	Thống kê	2005
21	Thống kê ứng dụng	Hoàng Trọng	Thống kê	2007
22	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Việt	Tp. HCM	2006
23	Kinh tế lượng ứng dụng	Phạm Trí Giao	Lao Động XH	2006
24	Luật kinh tế	Lê Văn Hưng	ĐHQG HCM	2007
25	Tài chính quốc tế	Nguyễn Minh Kiều	Thống kê	2008
26	Thị trường chứng khoán	Đào Lê Minh	CT quốc gia	2002
27	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Văn Thuận	Thống Kê	2008
28	Nghiệp vụ ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	Thống kê	2006

29	Thanh toán quốc tế	Trần Thị Xuân Hương	Lao Động Xã hội	2008
30	Phân tích hoạt động tài chính	Woelfel, Charles J.	Khoa học và KT	1991
31	Phân tích và đầu tư CK	Lê Thị Mai Linh	CT quốc gia	2003
32	Lập Mô hình tài chính	Trần Ngọc Thơ	Thống kê	2007
33	Excel trong tài chính và đầu tư	Trần Thế Sao	Lưu hành nội bộ	2008
34	Kế toán tài chính	ĐH kinh tế HCM	Thống Kê	2006
35	Thiết lập và TD dự án đầu tư	Phước Minh Hiệp	Thống kê	2007
36	Thuế	Phan Hiền Minh	Thống Kê	2008
37	Kiểm toán	Đại Học Kinh tế TP.HCM	Lao Động	2007
38	Tiếng Anh nâng cao	Khoa Ngoại ngữ, ĐHMở	Lưu hành nội bộ	2008
39	Kế toán ngân hàng	Trương Thị Hồng	Tài Chính	2008
40	Thẩm định tín dụng	Nguyễn Minh Kiều	Tài Chính	2008
41	Marketing ngân hàng	Nguyễn Văn Sáu	Lưu hành nội bộ	2008
42	Ngân hàng trung ương	Nguyễn Thị Mùi	Tài Chính	2007
43	Kinh doanh ngoại hối	Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2008
44	Tài chính cá nhân	Bùi Minh Phương	Lưu hành nội bộ	2009
45	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2005
46	Bảo hiểm	Trương Mộc Lâm	Tài Chính	2005
47	Quản trị NH thương mại	Nguyễn Thị Mùi	Tài chính	2006
48	Quản trị rủi ro và bảo hiểm	Nguyễn Quang Thu	Thống kê	2008
49	QT tài chính NH thương mại	Nguyễn Văn Thuận	Lưu hành nội bộ	2009
50	Lý thuyết đầu tư	Nguyễn Văn Thuận	Thống kê	2006
51	Quản lý danh mục đầu tư	ĐH kinh tế HCM	Lưu hành nội bộ	2009
52	Thị trường TC phái sinh	ĐH kinh tế HCM	Lưu hành nội bộ	2009
53	Phân tích hoạt động KD	ĐH kinh tế HCM	Thống Kê	2006

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng được xây dựng theo kiểu đơn ngành. và được thiết kế theo hướng tổng quát của ngành Tài chính- Ngân hàng; Bên cạnh đó mở rộng hướng chuyên sâu cho 3 lĩnh vực : Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp và Thị trường chứng khoán.

- Căn cứ kế hoạch giảng dạy trong Chương trình đào tạo và hướng dẫn đăng ký môn học trước mỗi học kỳ, Cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên đăng ký môn học.
- Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- Điều kiện được nhận khóa luận tốt nghiệp :
 - Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình
 - Điểm trung bình tích lũy : Từ 7,0 trở lên
 - Điểm chuyên đề tốt nghiệp : Từ 8 trở lên và phải được sự đồng ý của GVHD

KT.HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TS. Lê Thị Thanh Thu

TS. Nguyễn Văn Thuận